

HỌC VIỆN TÀI CHÍNH
BỘ MÔN TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP

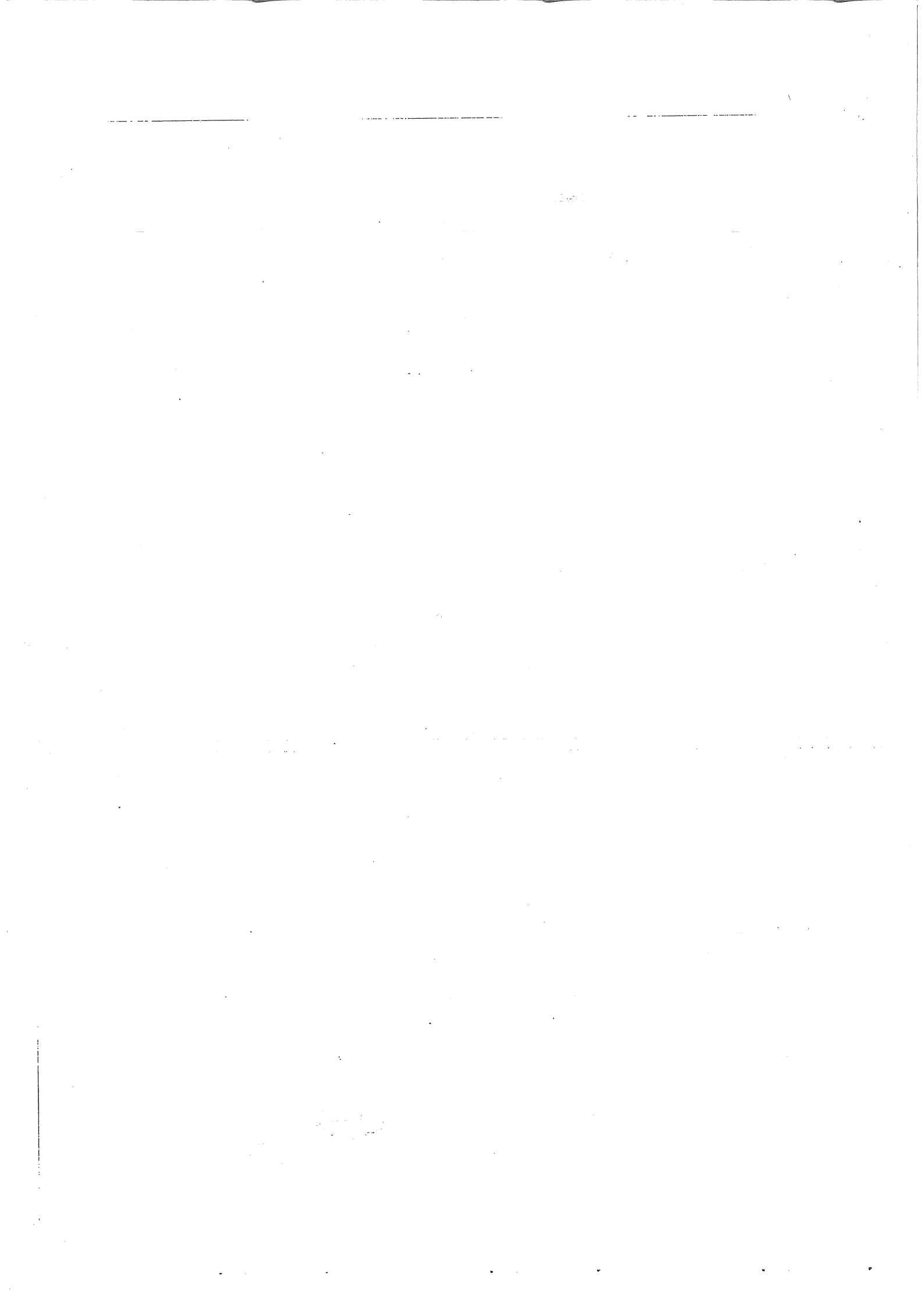


HỆ THỐNG CÂU HỎI VÀ BÀI TẬP

MÔN HỌC TCDN

(TÀI LIỆU LƯU HÀNH NỘI BỘ)

HÀ NỘI, THÁNG 08



HỆ THỐNG CÂU HỎI VÀ BÀI TẬP

MÔN HỌC: TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP 1

I. CÂU HỎI LÝ THUYẾT

PHẦN 1: TỔNG QUAN VỀ TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP

Chương 1: Vai trò của quản trị tài chính doanh nghiệp

1. Phân biệt giữa Tài chính và Tài chính doanh nghiệp, giữa Tài chính doanh nghiệp và Quản trị tài chính doanh nghiệp?
2. Những mối quan hệ nào hợp thành quan hệ tài chính doanh nghiệp?
3. Phân tích 3 quyết định tài chính chiến lược của doanh nghiệp?
4. Tại sao đối với công ty cổ phần, mục tiêu tài chính là tối đa hoá giá trị thị trường của công ty?
5. Giám đốc tài chính có vai trò quan trọng như thế nào trong doanh nghiệp?
6. Hãy cho biết vị trí của giám đốc tài chính trong doanh nghiệp? Phân biệt nhiệm vụ của tài chính và kế toán trong doanh nghiệp?
7. Hình thức pháp lý tổ chức doanh nghiệp có ảnh hưởng như thế nào đến công tác quản trị tài chính doanh nghiệp?
8. Đặc điểm kinh tế - kỹ thuật của ngành kinh doanh ảnh hưởng như thế nào tới công tác quản trị tài chính doanh nghiệp?
9. Môi trường kinh doanh có ảnh hưởng như thế nào tới công tác quản trị tài chính doanh nghiệp?
10. Anh (chị) hãy đưa ra những kiến nghị, đề xuất nhằm nâng cao vai trò của giám đốc tài chính doanh nghiệp trong điều kiện hiện nay của Việt Nam?

PHẦN 2: CÁC CÔNG CỤ CHỦ YẾU TRONG QUẢN TRỊ TCDN

Chương 2: Giá trị theo thời gian của tiền

1. Phân tích các nguyên nhân dẫn đến tiền có giá trị theo thời gian?

2. Giải thích bản chất của lãi đơn và lãi kép, nêu công thức xác định lãi đơn và lãi kép? Hãy cho biết việc nghiên cứu lãi đơn, lãi kép có ý nghĩa như thế nào đối với công tác quản trị tài chính doanh nghiệp?
3. Hãy nêu các công thức xác định giá trị tương lai và giá trị hiện tại của dòng tiền phát sinh đều đặn bằng nhau (trong trường hợp dòng tiền là hữu hạn và vô hạn)?
4. Tại sao trong các quyết định của tài chính doanh nghiệp, người ta luôn phải tính đến giá trị theo thời gian của tiền?
5. Trên góc độ của tài chính doanh nghiệp, hãy cho biết: vì sao nhà quản trị lại sử dụng quan điểm lãi kép trong phân tích và lựa chọn các quyết định tài chính của doanh nghiệp?
6. Hãy nêu cách xác định lãi suất và lãi suất tương đương?
7. Hãy trình bày ứng dụng giá trị thời gian của tiền trong hoạt động của doanh nghiệp?
8. Hãy trình bày ứng dụng của phương pháp dòng tiền chiết khấu trong phân tích và lựa chọn các quyết định tài chính của doanh nghiệp?

Chương 3: Rủi ro và tỷ suất sinh lời

1. Nêu khái niệm rủi ro và phân loại rủi ro? Loại rủi ro nào là không thể loại trừ, loại rủi ro nào có thể được loại trừ? Cho ví dụ minh họa về các loại rủi ro?
2. Trình bày thước đo rủi ro của doanh nghiệp, hay đo lường rủi ro của một khoản đầu tư?
3. Trình bày các thước đo rủi ro của một danh mục đầu tư?
4. Hãy cho biết ý nghĩa chỉ tiêu độ lệch chuẩn của một khoản đầu tư, độ lệch chuẩn một danh mục đầu tư?
5. Có ý kiến cho rằng "*Rủi ro càng cao thì tỷ suất sinh lời đòi hỏi càng lớn*". Hãy bình luận ý kiến trên?
6. Phân biệt tỷ suất sinh lời kỳ vọng của một khoản đầu tư và tỷ suất sinh lời đòi hỏi của nhà đầu tư?

7. Hãy cho biết những căn cứ hình thành tỷ suất sinh lời đòi hỏi của nhà đầu tư?
8. Nêu cách xác định hệ số beta của một doanh nghiệp? Ý nghĩa của hệ số beta? Giải thích tại sao hệ số beta chỉ phản ánh rủi ro hệ thống mà không phản ánh rủi ro phi hệ thống?
9. Nêu công thức xác định tỷ suất sinh lời đòi hỏi theo mô hình định giá tài sản vốn (CAPM)? Hãy nêu ưu điểm và hạn chế của mô hình này?
10. Hãy biểu diễn mối quan hệ giữa rủi ro và tỷ suất sinh lời đòi hỏi qua đường SML (đường TTCK)?

Chương 4: Báo cáo tài chính và các hệ số tài chính

1. Hãy nêu nội dung và ý nghĩa của báo cáo tài chính doanh nghiệp?
2. Tại sao trong bảng cân đối kế toán người ta sắp xếp các tài sản theo trật tự giảm dần về tính thanh khoản, đồng thời sắp xếp các nguồn vốn theo trật tự giảm dần về tính cấp thiết yêu cầu trả nợ?
3. Hãy giải thích các thuật ngữ sau: Vốn đầu tư của chủ sở hữu, thặng dư vốn cổ phần, cổ phiếu quỹ, doanh thu thuần, giá vốn hàng bán, lợi nhuận trước lãi vay và thuế, lợi nhuận trước thuế, lợi nhuận sau thuế?
4. Hãy phân biệt dòng tiền và lợi nhuận, vốn lưu động và nguồn vốn lưu động thường xuyên của doanh nghiệp?
5. Giám đốc tài chính doanh nghiệp sử dụng báo cáo tài chính nhằm mục đích gì? Các chủ thể khác (cơ quan quản lý nhà nước, nhà đầu tư, cơ quan thuế, cơ quan thống kê...) sử dụng báo cáo tài chính của công ty với mục đích gì?
5. Có ý kiến cho rằng, khi một DN có hệ số thanh toán hiện thời ở mức cao sẽ luôn đảm bảo việc thanh toán đúng hạn các khoản nợ tới hạn. Theo bạn, điều đó có đúng không? Vì sao?
6. “Khi một DN có kì thu tiền bình quân ở năm nay tăng lên so với năm trước, điều này chứng tỏ công tác quản lý - thu hồi công nợ của DN năm nay kém hơn so với năm trước”. Theo bạn, ý kiến đó có đúng không? Vì sao?

7. Có ý kiến cho rằng “Một DN có vòng quay hàng tồn kho (vốn vật tư - hàng hoá) trong năm ở mức cao so với mức trung bình của ngành, điều đó chứng tỏ việc quản lý sử dụng vốn vật tư hàng hoá của DN là tốt”. Theo Bạn, ý kiến đó có hợp lý không ?

8. Phân biệt nhóm chỉ tiêu phản ánh hiệu suất hoạt động và hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp?

9. Hãy nêu tác dụng của phương pháp phân tích Dupont trong quản trị tài chính doanh nghiệp?

10. Phân tích diễn biến nguồn vốn và sử dụng vốn có tác dụng gì cho công tác quản trị tài chính doanh nghiệp?

Chương 5: Công cụ phòng ngừa rủi ro trong hoạt động tài chính

1. Khái niệm rủi ro tài chính? Nêu các công cụ phòng ngừa rủi ro tài chính?

2. Nêu khái niệm và cơ chế hoạt động của hợp đồng tương lai? Giải thích tại sao hợp đồng tương lai có thể giúp phòng ngừa rủi ro cho doanh nghiệp?

3. Nêu khái niệm và cơ chế hoạt động của hợp đồng quyền chọn? Giải thích tại sao hợp đồng quyền chọn lại giúp phòng ngừa rủi ro cho doanh nghiệp?

4. Nêu bản chất của hợp đồng hoán đổi? Hợp đồng hoán đổi (Lãi suất, ngoại tệ) được sử dụng nhằm mục đích gì?

5. Trình bày sự khác biệt giữa mua hợp đồng kỳ hạn và bán hợp đồng kỳ hạn?

6. Trình bày sự khác biệt giữa mua hợp đồng kỳ hạn khi giá kỳ hạn là 50.000 đồng với mua quyền chọn với giá thực hiện là 50.000 đồng?

7. Giải thích sự khác nhau giữa bán quyền chọn mua và mua quyền chọn bán?

8. Hợp đồng tương lai được sử dụng để phòng ngừa rủi ro. Hãy giải thích tại sao việc điều chỉnh giá giao hàng theo tình hình thị trường có thể gây ra những vấn đề về dòng tiền cho công ty?

9. Một công ty kinh doanh trong ngành lương thực khi vào vụ mua sẽ có 120.000 tấn gạo để xuất bán sau đó 3 tháng. Hợp đồng tương lai về gạo có tiêu chuẩn là 40.000 tấn/hợp đồng. Công ty đó có thể sử dụng hợp đồng tương lai

để phòng ngừa rủi ro như thế nào? Hãy chỉ rõ những điểm lợi và bất lợi của hợp đồng tương lai đối với công ty đó?

II. BÀI TẬP

Bài số 01: Một người gửi tiền 100 triệu vào ngân hàng, thời gian gửi tiền là 5 năm với lãi suất ngân hàng là 10%/năm, tính lãi hàng năm theo phương thức tính lãi kép. Hãy xác định số tiền mà người này nhận được sau 5 năm?

Bài số 02: Một người gửi vào ngân hàng số tiền 100 triệu đồng. Lãi suất là 10%/năm, nhưng ngân hàng tính lãi 6 tháng một lần theo phương thức tính lãi kép. Vậy sau 5 năm người đó có thể nhận được số tiền là bao nhiêu?

Bài số 03: Ông Tuấn muốn để dành tiền cho con đi học đại học. Ngay từ lúc mới sinh con, ông dự định sẽ mua bảo hiểm nhân thọ của công ty bảo hiểm PRUDENTIAL với mức đóng phí đều đặn hàng năm là 7 triệu (đóng vào đầu năm), lãi suất ổn định ở mức 6%/năm. Hỏi khi con ông tròn 18 tuổi, hợp đồng bảo hiểm kết thúc thì số tiền ông Tuấn sẽ được thanh toán là bao nhiêu?

Bài số 04: Bà Nga năm nay là 50 tuổi muốn có một số tiền để dưỡng già khi về hưu nên hàng năm bà đã mang đến gửi tiền vào ngân hàng mỗi năm 50 triệu đồng (gửi vào cuối năm). Hỏi khi bà về hưu (55 tuổi) thì bà có số tiền để dưỡng già là bao nhiêu? Biết rằng: lãi suất ngân hàng ổn định là 12%/năm theo phương thức tính lãi kép.

Bài số 05: Một người đưa thông tin quảng cáo cần mua một khung kho Tiệp loại 120 m. Có 3 nhà cung cấp đến chào hàng và đưa ra các mức giá khác nhau:

- Nhà cung cấp thứ nhất đòi giá 150 triệu đồng, chi phí vận chuyển bốc xếp tận nơi là 10 triệu đồng và phải thanh toán ngay.

- Nhà cung cấp thứ 2 đòi giá 170 triệu đồng và chịu trách nhiệm vận chuyển tận nơi theo yêu cầu của người mua, nhưng chỉ yêu cầu thanh toán ngay 50%, số còn lại cho chịu một năm sau.

- Nhà cung cấp thứ 3 đưa giá chào hàng là 160 triệu đồng và người mua phải tự vận chuyển. Họ yêu cầu thanh toán ngay 20%, sau năm thứ nhất thanh toán

thêm 30%, sau năm thứ hai thanh toán phần còn lại. Người mua dự tính nếu họ tự vận chuyển thì chi phí là 15 triệu đồng.

Hãy xác định xem người mua nên chấp nhận lời chào hàng của nhà cung cấp nào thì có lợi nhất? Biết rằng: Lãi suất ngân hàng ổn định ở mức 9%/năm.

Bài số 06: Vào ngày 01/01/N, công ty TNHH Thái Sơn mua một ngôi nhà làm văn phòng giao dịch với giá 200 triệu đồng với sự thoả thuận thanh toán như sau:

- Trả ngay 10% số tiền.
- Số còn lại trả dần hàng năm bằng nhau trong 5 năm, song phải chịu lãi 6%/năm của số nợ còn lại (theo phương thức tính lãi kép). Thời điểm tính trả lãi hàng năm là cuối năm (31/12). Hãy xác định số tiền phải trả hàng năm là bao nhiêu để lần cuối cùng là vừa hết nợ?

Bài số 07: Ông Nam dự định mua một chiếc xe tải sau đó cho thuê. Dự tính số tiền thu được từ cho thuê chiếc xe tải đó hàng năm (tính đến cuối năm) là 200 triệu đồng. Sau 3 năm hoạt động sẽ thanh lý chiếc xe này với giá bán thanh lý (sau thuế) dự kiến là 5 triệu đồng.

Hãy xác định xem Ông Nam chỉ có thể mua chiếc xe tải đó với giá tối đa bao nhiêu? Biết rằng: Lãi suất ngân hàng ổn định ở mức 5% /năm theo phương thức tính lãi kép.

Bài số 08: Công ty Hoàng Hương mua một thiết bị sản xuất và phải trả tiền một lần vào cuối năm thứ 5 kể từ ngày mua với số tiền thanh toán là 520 triệu đồng. Nếu bên bán cho phép công ty trả đều số tiền vào đầu mỗi năm (cả gốc và lãi) mỗi lần bằng nhau trong vòng 10 năm (lần trả đầu tiên ngay sau khi nhận thiết bị), thì số tiền phải thanh toán mỗi lần là bao nhiêu?

Biết rằng: Lãi suất chiết khấu ổn định là 10%/năm.

Bài số 09: Công ty T cần mua một dây chuyền sản xuất. Có 2 phương thức thanh toán được đặt ra như sau:

- Nếu thanh toán ngay toàn bộ tiền hàng thì phải trả 1.890 triệu đồng.

- Nếu thanh toán theo phương thức trả góp thì phải trả ngay 700 triệu đồng, số còn lại được thanh toán đều trong 24 tháng, với số tiền 62 triệu đồng/tháng.

Nếu công ty T đồng ý thanh toán theo phương thức trả góp thì phải chịu lãi suất là bao nhiêu % một năm?

Bài số 10: Ông A vay thế chấp ngân hàng một khoản tiền 500 triệu đồng với mức lãi suất là 12%/năm. Nếu hợp đồng vay quy định trả dần mỗi năm một lần trong thời hạn 5 năm (bắt đầu sau 1 năm kể từ ngày vay vốn) thì số tiền phải thanh toán hàng năm đều đặn là bao nhiêu? trong đó tiền gốc mỗi năm phải trả là bao nhiêu?

Bài số 11: Một người lao động hàng năm nộp BHXH với số tiền là 1 triệu đồng/năm và nộp đều trong 30 năm vào cuối mỗi năm. Lãi suất hàng năm ổn định ở mức 10%/năm. Khi người lao động nghỉ hưu, nếu như người này có thể sống thêm 30 tuổi thì mỗi năm người này được nhận một số tiền là bao nhiêu để đến sau 30 năm là vừa hết số tiền đó. Biết rằng lãi suất vẫn ổn định là 10%/năm.

Bài số 12: Ngân hàng A trả lãi suất 8,5%/năm, gộp lãi hàng năm cho các khoản tiền gửi. Ngân hàng B trả lãi suất 8%/năm, gộp lãi hàng quý. Nếu bạn có tiền, bạn sẽ gửi tiền vào ngân hàng nào? Tại sao?

Bài số 13: Ngân hàng A trả lãi suất 8%/năm, gộp lãi hàng quý cho các khoản tiền gửi. Ngân hàng B gộp lãi theo kỳ hạn 6 tháng. Hãy cho biết ngân hàng B phải quy định lãi suất danh nghĩa của mình là bao nhiêu để lãi suất thực tế của mình bằng lãi suất thực tế của ngân hàng A?

Bài số 14: Công ty kinh doanh bất động sản H đang chào bán các căn hộ với giá niêm yết là 1.200 triệu đồng/căn hộ và đưa ra 2 đề nghị sau:

- Thanh toán ngay 200 triệu đồng, số còn lại thanh toán đều trong 25 tháng kế tiếp, mỗi tháng 40 triệu đồng; hoặc:

- Giảm giá 100 triệu đồng nếu khách hàng trả tiền ngay toàn bộ tiền nhà.

Nếu là người đang có ý định mua căn hộ của công ty H, bạn sẽ chọn phương thức thanh toán nào? Vì sao?

Biết rằng: lãi suất vay ngân hàng 1%/tháng.

Bài số 15: Một công ty đang xem xét đầu tư 2 loại chứng khoán sau:

- Chứng khoán A: chi phí đầu tư 50 triệu đồng, dự kiến sẽ nhận được khoản thu 118,37 triệu đồng sau 10 năm.

- Chứng khoán B: chi phí đầu tư 100 triệu đồng, sẽ được nhận khoản thu 10 triệu đồng vào cuối mỗi năm trong 9 năm, và cuối năm thứ 10 sẽ được thanh toán 110 triệu đồng.

Yêu cầu:

a. Xác định tỷ lệ chiết khấu cho các dòng tiền thanh toán của mỗi chứng khoán?

b. Nếu tỷ suất sinh lời đòi hỏi là 8%/năm thì công ty nên đầu tư vào chứng khoán nào là có lợi nhất?

Bài số 16: Một doanh nghiệp vay ngân hàng khoản tiền 1.000 triệu đồng có thời hạn 8 năm với lãi suất 10%/năm. Ngân hàng yêu cầu kế hoạch trả nợ như sau: 2 năm đầu chỉ trả lãi, 4 năm kế tiếp trả các khoản tiền bằng nhau là 200 triệu đồng mỗi năm, số tiền còn lại thanh toán đều trong 2 năm cuối. Bạn hãy giúp doanh nghiệp lập kế hoạch trả nợ theo yêu cầu của ngân hàng?

Bài số 17: Một dự án đầu tư có dòng tiền vào dự kiến trong tương lai (phát sinh vào cuối năm) như sau:

Năm 1	Năm 2	Năm 3	Năm 4	Năm 5
200	200	200	200	200

Hãy áp dụng phương pháp dòng tiền chiết khấu (DCF) để biết xác định số vốn đầu tư chỉ nên tối đa là bao nhiêu là phù hợp với lãi suất chiết khấu là 10%/năm.

Bài số 18: Một người dự định mua một chiếc xe ô tô để cung cấp dịch vụ vận tải hành khách. Theo ước tính số tiền bỏ ra để mua ô tô là 900 triệu đồng. Khi

chiếc xe đi vào hoạt động dự tính sẽ mang lại dòng tiền vào (phát sinh vào cuối năm) cho nhà đầu tư như sau:

Năm 1	Năm 2	Năm 3	Năm 4	Năm 5
200	250	300	350	250

Với tỷ suất sinh lời đòi hỏi là 12%/năm, bằng phương pháp dòng tiền chiết khấu (DCF), hãy cho biết nhà đầu tư có nên mua chiếc ô tô này không?

Bài tập 19: Công ty X đang xem xét việc đầu tư vào một trong 2 cổ phiếu thường với hàm phân phối xác suất của hai cổ phiếu này như sau:

Cổ phiếu thường A		Cổ phiếu thường B	
Xác suất	Tỷ suất sinh lời	Xác suất	Tỷ suất sinh lời
0,3	11%	0,2	-5%
0,4	15%	0,3	6%
0,3	19%	0,3	14%
--	---	0,2	22%

Dựa trên mức độ rủi ro và tỷ suất sinh lời, hãy cho biết công ty nên lựa chọn đầu tư vào cổ phiếu nào?

Bài số 20: Ông An đang dự định đầu tư vào một trong 2 cổ phiếu X và Y. Ông có thông tin về 2 cổ phiếu này như sau:

Cổ phiếu thường X		Cổ phiếu thường Y	
Xác suất	Tỷ suất sinh lời	Xác suất	Tỷ suất sinh lời
0.2	-2%	0.1	4%
0.5	18%	0.3	6%
0.3	27%	0.4	10%
---	---	0.2	15%

Hãy cho biết ông An nên lựa chọn cổ phiếu nào để đầu tư? Tại sao?

Bài số 21: Giả sử có các thông tin về xác suất và tỷ suất sinh lời khi đầu tư vào cổ phiếu X và tín phiếu kho bạc tương ứng với ba tình trạng của nền kinh tế như sau:

Tình trạng nền kinh tế	Xác suất	TSSL của cổ phiếu X	TSSL của tín phiếu
Suy thoái	0,25	- 8,2%	3,5%
Bình thường	0,50	12,3%	3,5%
Tăng trưởng	0,25	25,8%	3,5%

Yêu cầu:

- Tính tỷ suất sinh lời kỳ vọng của cổ phiếu X và tín phiếu.
- Tính độ lệch chuẩn tỷ suất sinh lời của cổ phiếu X và tín phiếu.
- Tính tỷ suất sinh lời kỳ vọng và độ lệch chuẩn của danh mục đầu tư gồm 40% cổ phiếu X và 60% tín phiếu

Bài số 22: Sau 15 năm đi làm, Hà tích cóp được một số tiền. Cô quyết định sẽ đầu tư vào thị trường chứng khoán với hy vọng sẽ làm gia tăng đáng kể số tiền này. Hà đầu tư 60% số tiền đó vào cổ phần A và 40% còn lại vào cổ phần B và dự kiến các kết quả như sau:

Chỉ tiêu	Cổ phần A		Cổ phần B
- Tỷ suất sinh lời mong đợi (%)	20		25
- Độ lệch chuẩn (%)	22		30
- Hệ số tương quan		0,5	

Yêu cầu :

- Xác định tỷ suất sinh lời kỳ vọng, độ lệch chuẩn của tỷ suất sinh lời kỳ vọng đối với danh mục đầu tư của Hà?
- Nếu hệ số tương quan giảm xuống bằng 0 thì rủi ro của danh mục đầu tư thay đổi như thế nào?
- Nếu Hà quyết định đầu tư toàn bộ vào cổ phần A thì quyết định này có đem lại hiệu quả hơn đầu tư theo danh mục trên?

Bài số 23: Ông A đang xem xét đầu tư vào hai loại cổ phiếu: X và Y. Sau khi liên hệ với công ty chứng khoán Kim Long, ông có được thông tin về tỷ suất sinh lời kỳ vọng và độ lệch chuẩn tỷ suất sinh lời kỳ vọng của hai cổ phiếu trên như sau:

Chỉ tiêu	Cổ phiếu X	Cổ phiếu Y
Tỷ suất sinh lời kỳ vọng (%)	13,8	21,2
Độ lệch chuẩn (%)	3,6	9,5

Để hạn chế rủi ro, ông A quyết định đầu tư vào một danh mục trị giá 120 triệu đồng gồm 58% cổ phiếu X và 42% cổ phiếu Y. Với tư cách là nhà tư vấn tài chính, bạn hãy giúp ông A xác định :

a. Tỷ suất sinh lời kỳ vọng của danh mục đầu tư trên?

b. Rủi ro của danh mục đầu tư tăng hay giảm so với đầu tư vào một trong hai cổ phiếu cá biệt? Biết hệ số tương quan tỷ suất sinh lời giữa hai cổ phiếu X và Y là 0,3.

Bài số 24: Một nhà đầu tư sở hữu một danh mục chứng khoán gồm 5 loại cổ phiếu khác nhau có giá trị 600 triệu đồng. Các số liệu về giá trị vốn đầu tư, hệ số beta của từng chứng khoán trong danh mục đầu tư như sau:

Danh mục CK	Vốn đầu tư (Trđ)	Hệ số beta (δ)
A	150	0,5
B	120	2,5
C	90	3,5
D	180	1,2
E	60	3,0

Yêu cầu: Tính hệ số beta (β) của danh mục đầu tư trên?

Bài số 25: Một nhà đầu tư dự định đầu tư vào cổ phần của công ty cổ phần X, cổ phần này có tỷ suất sinh lời kỳ vọng là 20%/năm. Lãi suất phi rủi ro hiện hành là 10%/năm, tỷ suất sinh lời kỳ vọng của thị trường là 18%/năm, hệ số beta của cổ phần công ty X là 1,4. Hãy cho biết nhà đầu tư có nên mua cổ phần này không?

Bài số 26: Một nhà đầu tư có tài liệu như sau: Lãi của trái phiếu chính phủ là 8%/năm; tỷ suất sinh lời của thị trường có phân phối xác suất như sau:

Xác suất	r_m
0,15	9%
0,2	12%
0,3	14%
0,2	15%
0,15	17%

Yêu cầu:

1. Tính tỷ suất sinh lời trung bình của thị trường?

2. Nhà đầu tư trên được mời mua một loại cổ phiếu có tỷ suất sinh lời kỳ vọng là 19%/năm và hệ số beta là 2,5. Bạn hãy tư vấn giúp nhà đầu tư có nên mua cổ phiếu mới không?

Bài số 27: Năm N, công ty Tiên Đông có các chỉ tiêu sau:

1. Hệ số nợ: 0,6 (không có nợ dài hạn).
2. Hệ số khả năng thanh toán nợ ngắn hạn: 0,8.
3. Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu: 1,25%.
4. Doanh thu thuần: 5.400 triệu đồng.
5. Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn kinh doanh là 2,5%.
6. Số dư các khoản phải thu: Đầu năm: 500 triệu đồng, cuối năm: 688 triệu đồng.
7. Công ty nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ với thuế suất đầu ra 10%.
8. Công ty vay vốn với kỳ hạn vay bình quân là 6 tháng.

Các kết luận dưới đây là đúng hay sai? Hãy giải thích?

- a. Công ty không sử dụng vốn ngắn hạn để đầu tư cho tài sản dài hạn.
- b. Công ty có khả năng trả nợ đúng hạn.
- c. Công ty đã vượt chỉ tiêu đề ra: Bình quân cứ 1 đồng vốn chủ sở hữu bỏ ra kinh doanh tạo ra 0,05 đồng lợi nhuận sau thuế.
- d. Trung bình trong năm công ty có 15 lần thu được các khoản nợ phải thu.

Bài số 28 : Đầu năm N, công ty cổ phần B có tài sản ngắn hạn là 800 triệu đồng và nợ ngắn hạn là 500 triệu đồng. Các hoạt động sau đây có ảnh hưởng như thế nào đến hệ số khả năng thanh toán hiện thời (hệ số khả năng thanh toán nợ ngắn hạn) của công ty:

- a. Mua thêm 2 xe tải trị giá 100 triệu đồng bằng tiền mặt.
- b. Vay ngân hàng 80 triệu đồng để tăng khoản phải thu với giá trị tương đương.
- c. Huy động thêm 200 triệu đồng bằng phát hành cổ phiếu thường mới để phát triển thêm một số chi nhánh.

d. Tăng khoản phải trả nhà cung cấp để giảm vốn bằng tiền 40 triệu đồng.

Bài số 29: Năm N, công ty Q đạt tỷ suất lợi nhuận vốn chủ sở hữu (ROE) là 5%. Công ty đang có kế hoạch cải thiện chỉ tiêu này trong năm tới (năm N+1). Theo kế hoạch này, công ty sẽ duy trì tỷ lệ vốn vay ở mức 60% với chi phí tiền lãi vay 40 triệu đồng/năm. Doanh thu dự kiến 10.000 triệu đồng/năm, lợi nhuận trước lãi vay và thuế (EBIT) là 200 triệu đồng. Biết rằng, công ty nộp thuế TNDN với thuế suất là 25% và vòng quay toàn bộ vốn kỳ vọng là 2,5 vòng. Nếu kế hoạch mới được thực hiện thì tỷ suất lợi nhuận vốn chủ sở hữu (ROE) của công ty sẽ là bao nhiêu?

Bài số 30: Công ty L chuyên SXKD 1 loại sản phẩm, có tài liệu năm N như sau:

1. Chi phí kinh doanh:

- Tổng chi phí cố định kinh doanh: 2.400 triệu đồng/năm.

- Chi phí biến đổi: 600.000 đồng/sản phẩm.

2. Tổng vốn kinh doanh: 3.000 triệu đồng, trong đó vốn vay chiếm 30% tổng nguồn vốn kinh doanh và lãi suất tiền vay bình quân là 10%/năm.

3. Giá bán sản phẩm chưa có thuế giá trị gia tăng: 800.000 đồng/sản phẩm.

4. Số lượng sản phẩm tiêu thụ trong năm là 15.000 sản phẩm.

5. Thuế suất thuế TNDN: 25 %.

Yêu cầu:

a. Xác lập mối quan hệ tỷ suất sinh lời kinh tế của tài sản, lãi suất tiền vay với tỷ suất lợi nhuận vốn chủ sở hữu, từ đó đưa ra nhận xét về việc sử dụng vốn vay của công ty ?

b. Nếu sản lượng tiêu thụ tăng 8% so với mức tiêu thụ trong năm thì tỷ suất lợi nhuận vốn chủ sở hữu là bao nhiêu?

c. Công ty dự kiến tăng hệ số nợ từ 30% lên 50%, điều này sẽ làm cho lãi suất bình quân các khoản vay tăng lên ở mức 13%/năm; Khi đó, tỷ suất lợi nhuận vốn chủ sở hữu của công ty sẽ là bao nhiêu ?

Bài số 31: Trích bảng cân đối kế toán ngày 31/12/N của công ty cổ phần B như sau:

Đơn vị tính: triệu đồng

Tài sản	Số đầu năm	Số cuối kỳ
I - Tài sản ngắn hạn	1.900	1.720
1. Tiền và tương đương tiền	100	120
2. Các khoản phải thu	500	550
3. Hàng tồn kho	1.200	1.000
4. Tài sản lưu động khác	100	50
II - Tài sản dài hạn	6.700	7.700
1. Tài sản cố định	6.500	7.500
- Nguyên giá	10.000	11.500
- Số khấu hao lũy kế	(3.500)	(4.000)
2. Đầu tư tài chính dài hạn	200	200
Tổng tài sản	8.600	9.420
B. Nguồn vốn	8.600	9.420
I - Nợ phải trả	3.100	3.450
1. Vay ngắn hạn	2.000	2.300
2. Phải trả người bán	700	750
3. Thuê và các khoản phải nộp	200	300
4. Phải trả công nhân viên	200	100
II - Vốn chủ sở hữu	5.500	5.970
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	4.500	5.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	500	520
4. Quỹ đầu tư phát triển	150	200
5. Lợi nhuận chưa phân phối	300	150
6. Quỹ dự phòng tài chính	50	100
Tổng nguồn vốn	8.600	9.420

Yêu cầu: Lập bảng phân tích diễn biến nguồn vốn và sử dụng vốn năm N của công ty?.

Bài số 32: Trích bảng cân đối kế toán ngày 31/12/ N của công ty cổ phần D như sau:

(Đơn vị tính: Triệu đồng)

Tài sản	Số đầu năm	Số cuối kỳ
A. Tài sản ngắn hạn	800	1.000
1. Vốn bằng tiền	80	50
2. Nợ phải thu	70	350
3. Hàng tồn kho	550	320
4. Tài sản ngắn hạn khác	100	280
B. Tài sản dài hạn	1.200	2.000

1. Nguyên giá	1.500	2.400
2. Khấu hao lũy kế	(300)	(400)
Tổng tài sản	2.000	3.000
Nguồn vốn	Số đầu năm	Số cuối kỳ
A Nợ phải trả	1.300	2.200
1. Nợ ngắn hạn	500	1.000
+ Phải trả cung cấp	300	760
+ Phải thanh toán cho CBCNV	120	190
+ Phải nộp khác	80	50
2. Vay dài hạn	800	1.200
B. Nguồn vốn chủ sở hữu	700	800
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	400	400
2. Quỹ đầu tư phát triển	250	330
3. Lợi nhuận chưa phân phối	50	70
Tổng nguồn vốn	2.000	3.000

Trong năm, công ty đạt doanh thu 4.000 triệu đồng và đạt tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu là 2%/năm. Hàng năm công ty dành 30% lợi nhuận sau thuế để bổ sung vốn kinh doanh.

Yêu cầu:

- Hãy xác định: Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn kinh doanh, tỷ suất lợi nhuận vốn chủ sở hữu, hệ số thanh toán tổng quát, hệ số thanh toán nợ ngắn hạn, cơ cấu vốn và vòng quay tổng vốn của công ty năm N. Nêu ý nghĩa từng chỉ tiêu?
- Hãy lập bảng phân tích diễn biến nguồn vốn và sử dụng vốn cho năm N?
- Xác định nguồn vốn lưu động thường xuyên đầu năm và cuối năm N? Kết hợp với kết quả câu b, có nhận xét gì về việc sử dụng vốn của công ty?
- Hãy xác định mức độ tác động của vòng quay tổng vốn, hệ số nợ, tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu tới tỷ suất lợi nhuận vốn chủ sở hữu của công ty năm N?
- Sang năm N+1, công ty muốn có tỷ suất lợi nhuận vốn chủ sở hữu tăng 18% so với năm N, trong khi vòng quay vốn kinh doanh và tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu không đổi so với năm N, thì cơ cấu vốn phải bố trí như thế nào?

Bài số 33: Giả sử một nhà đầu tư A tham gia bán hợp đồng quyền bán cổ phiếu FPT với giá thực hiện là 40.000 đồng/ cổ phiếu và ngày đáo hạn là 3 tháng nữa. Giá cổ phiếu hiện hành là 41.000 đồng/ cổ phiếu và hợp đồng bao gồm 100 cổ phiếu. Khi tham gia vào hợp đồng này, ông A phải thực hiện cam kết gì? Hãy đánh giá lỗ lãi của ông A khi tham gia vào hợp đồng này?

Bài số 34: Một nhà đầu tư A kỳ vọng giá của cổ phiếu X sẽ tăng lên trong tương lai. Giá hiện hành của cổ phiếu X là 29.000 đồng/cp. Ông A có 5.800.000 đồng để đầu tư. Ông A đang xem xét hai chiến lược đầu tư như sau:

(1): mua cổ phiếu X với giá hiện hành là 29.000 đồng/cp

(2): mua 2000 quyền chọn mua với giá thực hiện là 30.000 đồng/cp, thời hạn hợp đồng là 3 tháng, phí mua là 2900 đồng/cp.

Hãy đánh giá lãi lỗ tiềm năng của nhà đầu tư A ở hai chiến lược.

Bài số 35: Nhà đầu tư A có 2 chiến lược đầu tư như sau;

+ Chiến lược 1: Mua quyền chọn kiểu châu Âu có kỳ hạn 180 ngày để mua 1USD với giá 19.700 với phí mua là 200 đồng và bán hợp đồng kỳ hạn có thời hạn 180 ngày.

+ Chiến lược 2: Mua và quyền chọn bán kiểu châu Âu có kỳ hạn 90 ngày để bán 1USD với giá 20.400, phí mua quyền là 200 đồng và mua hợp đồng kỳ hạn có thời hạn 90 ngày.

Giả sử tỷ giá giao ngay và tỷ giá kỳ hạn giữa đô la Mỹ và VND như sau:

- Giao ngay: 20.080 VND/USD

- Kỳ hạn 90 ngày: 20.056 VND/USD

- Kỳ hạn 180 ngày: 20.018 VND/USD

Hãy đánh giá lãi lỗ của 2 chiến lược đầu tư kể trên?

Bài số 36: Một nhà đầu tư bán một hợp đồng tương lai có thời gian đáo hạn là tháng 7 để bán bạc với giá là \$10,2/ounce trên thị trường trao đổi hàng hóa của New York. Quy mô của hợp đồng là 5000 ounces. Nhà đầu tư bắt buộc phải ký quỹ ban đầu là \$4000, và mức ký quỹ bắt buộc là \$3000.

Khi nào thì nhà đầu tư bắt buộc phải ký quỹ bổ sung? Nếu nhà đầu tư không ký quỹ bổ sung sẽ gặp phải vấn đề gì?

Bài số 37: Một nhà đầu tư mua quyền chọn mua cổ phiếu X với giá thực hiện là 50.000 đồng/cp, phí mua là 2000 đồng, đồng thời mua quyền chọn bán với giá thực hiện là 45.000 đồng/cp với phí mua là 3000 đồng. Hai quyền chọn có thời gian đáo hạn là 180 ngày. Hãy tính toán lợi nhuận mà nhà đầu tư có thể nhận được khi có sự thay đổi về giá của cổ phiếu X ?

Bài số 38: Một nhà đầu tư mua quyền chọn mua cổ phiếu X với giá thực hiện là 20.000 đồng/cp, phí mua là 2000 đồng. Đồng thời nhà đầu tư mua quyền bán cổ phiếu với giá thực hiện như quyền mua, phí mua là 3000 đồng. Hai quyền chọn có cùng ngày đáo hạn. Hãy xác định lợi nhuận mà nhà đầu tư có thể nhận được khi có sự thay đổi về giá của cổ phiếu X?

Bài số 39: Giả sử trên thị trường hiện nay quyền chọn bán cổ phiếu X có giá thực hiện là 30.000 đồng/cp và 35.000 đồng/cp với phí mua quyền là 4000 đồng và 7000 đồng tương ứng.

Hãy xác định lợi nhuận của nhà đầu tư trong trường hợp:

- Trường hợp 1: mua quyền chọn bán có giá thực hiện là 30.000 đồng/cp và bán quyền chọn bán có giá thực hiện là 35.000 đồng/cp

- Trường hợp 2: Bán quyền chọn bán có giá thực hiện là 30.000 đồng/cp và mua quyền chọn bán có giá thực hiện là 35.000 đồng/cp

Bài số 40: Một nhà đầu tư bán quyền mua cổ phiếu kiểu châu Âu được 4000 đ/cp. Giá hiện hành của cổ phiếu là 47.000 đồng/cp và giá thực hiện là 50.000 đồng/cp. Với mức giá của cổ phiếu là bao nhiêu thì nhà đầu tư có lợi nhuận? trong trường hợp nào thì quyền chọn sẽ được thực hiện? Hãy vẽ đồ thị biểu diễn lợi nhuận của nhà đầu tư với các mức giá có thể xảy ra tại thời điểm đáo hạn?

Bài số 41: Công ty A và Công ty B được ngân hàng cho vay \$20.000 với thời hạn 5 năm với các mức lãi suất sau:

Công ty	Lãi suất cố định	Lãi suất thả nổi
A	5%	LIBOR + 0,1%
B	6,4%	LIBOR + 0,6%

Công ty A muốn vay với lãi suất thả nổi, công ty B muốn vay với lãi suất cố định. Hãy thiết lập một hợp đồng hoán đổi lãi suất qua trung gian là ngân hàng, trong đó ngân hàng được hưởng 0,1% phí và lợi ích được chia đều cho hai ngân hàng? Vẽ sơ đồ biểu diễn sự hoán đổi?

Bài số 42: Công ty X và Y có một khoản tiền gửi tiết kiệm ngân hàng, thời hạn 5 năm với các mức lãi suất sau:

Công ty	Lãi suất cố định	Lãi suất thả nổi
X	8%	LIBOR
Y	8,8%	LIBOR

Công ty X muốn hưởng lãi suất cố định, công ty Y muốn hưởng lãi suất thả nổi. Hãy thiết lập một hợp đồng hoán đổi lãi suất qua trung gian ngân hàng, trong đó ngân hàng được hưởng 0,2%/năm và lợi ích được chia đều cho hai công ty? Vẽ sơ đồ biểu diễn sự hoán đổi?